

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
1.1. Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ: + Đối với phân bón: có hợp quy, quyết định lưu hành sản phẩm tại Việt Nam còn hiệu lực. + Hàng hóa phân bón có đề xuất đủ: Tên sản phẩm, mã sản phẩm, ký mã hiệu, nguồn gốc xuất xứ. + Có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (đối với nhà thầu sản xuất) hoặc kinh doanh phân bón (đối với nhà thầu thương mại) + Hàm lượng sản phẩm phân bón theo quy chuẩn quốc gia về phân bón QCVN 01-189:2019/BNNPTN;	Đáp ứng nội dung yêu cầu	Đạt
	Không đáp ứng nội dung yêu cầu	Không đạt
1.2. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	- Có lập bảng liệt kê đặc tính, thông số kỹ thuật của tất cả hàng hóa dự thầu đáp ứng hồ sơ mời thầu	Đạt
	- Không lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu hoặc có nhưng không đầy đủ. Hoặc: - Có 01 loại hàng hóa có đặc tính, thành phần chính hoàn toàn không đáp ứng yêu cầu.	Không đạt
2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa		
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật,	-Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và hiệu quả kinh tế.	Đạt

biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa. - Phương án khảo sát điểm giao nhận, lưu kho, vận chuyển, bốc xếp	-Có Phương án khảo sát điểm giao nhận, lưu kho, vận chuyển, bốc xếp hợp lý, khả thi và hiệu quả kinh tế.	
	-Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. Không có Phương án khảo sát điểm giao nhận, lưu kho, vận chuyển, bốc xếp hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	Tiến độ cung cấp hàng hóa ≤ 60 ngày	Đạt
	Tiến độ cung cấp hàng hóa > 60 ngày	Không đạt
4. Mức độ đáp ứng năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng, thay thế hàng hóa;		
4.1. Mức độ đáp ứng: nhà thầu phải trình bày được năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;	Năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng: có nêu phù hợp với gói thầu	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
4.2. Thay thế hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng	- Có phương án và Có cam kết Đổi trả và thay thế hàng hoá bị lỗi, không nguyên vẹn trong quá trình giao hàng trong vòng 02 ngày kể từ thời điểm nhận hàng. - Có phương án và Có cam kết Đổi trả và thay thế hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, không sử dụng được hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của đơn vị sử dụng. - Có cam kết Chịu chi phí ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và các chi phí liên quan trường hợp thay thế hàng hoá chậm	Đạt
	Không có cam kết hoặc Không có cam kết sau khi yêu cầu bổ sung làm rõ	Không đạt

5. Các yếu tố về điều kiện thương mại, đào tạo, chuyển giao công nghệ:		
Đề xuất kế hoạch và cử cán bộ kỹ thuật phối hợp với chủ đầu tư trong việc hướng dẫn sử dụng và trong quá trình sử dụng sản phẩm và xử lý kỹ thuật phát sinh (nếu có)	Đề xuất đầy đủ nội dung yêu cầu và hợp lý, phù hợp với dự án	Đạt
	Không có thuyết minh kế hoạch và nội dung tập huấn, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ. Hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không phù hợp với dự án	Không đạt
6. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã sử dụng.		
Nhà thầu không có vi phạm theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và kèm theo bản cam kết của nhà thầu		Đạt
Nhà thầu có vi phạm theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và không kèm theo bản cam kết của nhà thầu sau khi bổ sung làm rõ.		Không đạt